

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Cấp bổ sung

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ Y, DƯỢC CỎ TRUYỀN

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cỏ truyền, dược liệu;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT - BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cỏ truyền, dược liệu;

Căn cứ Quyết định số 7666/QĐ-BYT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Y, Dược cỏ truyền thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Bộ Y tế - Cấp bổ sung;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Dược cỏ truyền - Cục Quản lý Y, Dược cỏ truyền.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Cấp bổ sung, cụ thể:

1. Danh mục 04 thuốc cỏ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*tại Phụ lục I kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu TCT-xxxxx-23 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

2. Danh mục 52 vị thuốc cỏ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*tại Phụ lục II kèm theo*). Các vị thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VCT-xxxxx-23 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chất lượng dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền.

4. Cập nhật nhãn thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc cổ truyền theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này theo hình thức thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu và Thông tư số 39/2021/TT - BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu.

5. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu và Thông tư số 39/2021/TT - BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu.

6. Cơ sở đăng ký thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 của Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu và Thông tư số 39/2021/TT - BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng

ký lưu hành thuốc cổ truyền, được liệu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Đ/c Đỗ Xuân Tuyên – TTr BHYT (để b/c);
- PGS.TS. Lê Văn Truyền – Chủ tịch HĐTV cấp GĐKLH thuốc, NLLT – Bộ Y tế (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLD, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ; Văn phòng HĐTV cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty cổ phần;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Website của Cục Quản lý YDCT;
- Lưu: VP, QLD (4b).



PHỤ LỤC I
DANH MỤC 04 THUỐC CỔ TRUYỀN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC
CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM –
CẤP BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/QĐ-YDCT ngày 01/01/2023)

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Công nghệ cao Abipha
(Đ/c: Lô đất CN-2, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ,
thành phố Hà Nội)

1.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Công nghệ cao Abipha
(Đ/c: Lô đất CN-2, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ,
thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Thuốc trị TT	Gói 6g chứa: Hòe giác 0,84g; Địa du 0,84g; Hoàng cầm 0,84g; Chỉ xác 0,84g; Đương quy 0,84g; Phòng phong 0,84g.	Hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10, 20, 30 gói x 6g	TCT- 00098- 23

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
(Đ/c: số 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội)

2.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
(Đ/c: thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Ahthanhuthanyeu-new	Gói cốm 1g chứa: Cao khô hỗn hợp dược liệu 125mg tương đương với (Ba kích 60mg; Hà thủ ô đỏ 58mg; Bách hợp 60mg; Nhân sâm 7,2mg; Bạch linh 58mg; Nhục thung dung 24mg; Bạch truật 36mg; Nhung hươu 2,4mg; Cam thảo 5,0mg; Hạt sen 88mg; Thỏ ty tử 40mg; Câu kỷ tử 40mg; Thực địa 240mg; Cầu tích 30mg; Trạch tả 30mg; Hoài sơn 76mg; Tục đoạn 58mg; Đảng sâm 24mg; Xuyên khung 30mg; Đỗ trọng 24mg; Viễn chí 16mg; Đương quy 40mg). Cao Lộc giác 7,2mg tương đương với 28,8mg Lộc giác.	Thuốc cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 30 gói x 1g	TCT-00099-23

3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam (Đ/c: khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ)

3.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam (Đ/c: khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính-Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Ngân kiều giải độc Vietmec	Kim ngân hoa 420mg; Liên kiều 250mg; Bạc hà 250mg; Ngưu bàng tử 250mg; Đạm đậu xị 200mg; Cam thảo 200mg; Kinh giới tuệ 160mg; Cát cánh 160mg; Đạm trúc điệp 160mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	TCT - 000100-23

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Bagiaco (Đ/c: Nhà A3, số 15, ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội)

4.1. Nhà sản xuất: Nhà máy sản xuất thuốc đông dược - Công ty cổ phần dược vật tự y tế Thanh Hóa (Đ/c: Lô 4-5-6, khu công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính-Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Viên nang đại tràng Bà Giăng	Bạch truật 80,0mg; Mộc hương 27,2mg; Hoàng liên 13,6mg; Cam thảo 16,0mg; Bạch linh 53,6mg; Mạch nha 27,2mg; Sơn tra 27,2mg; Hoài sơn 27,2mg; Nhục đậu khấu 53,6mg; Đảng sâm 27,2mg; Thần khúc 27,2mg; Trần bì 53,6mg; Sa nhân 27,2mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 50, 100, 150, 200 viên. Hộp 3, 5, 6, 10, 15, 20 vỉ x 10 viên.	TCT - 000101-23

PHỤ LỤC II
DANH MỤC 52 VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC
CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC
05 NĂM – CẤP BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10.1/ QĐ-YDCT ngày 10/01/2023)

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân (Đ/c: lô số CN 08-2, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội)

1.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân (Đ/c: lô số CN 08-2, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Bạch thược	Thái편	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00343-23
2	Bạch truật	Thái편	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00344-23
3	Cam thảo	Thái편	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00345-23
4	Cát cánh	Thái편	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00346-23
5	Câu kỷ tử chích rượu	Chích rượu	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00347-23
6	Cúc hoa vàng	Sấy	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00348-23
7	Đại táo	Quả	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi	VCT-00349-23

					10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	
8	Đan sâm	Thái phiến	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT- 00350-23
9	Đảng sâm	Thái phiến	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT- 00351-23
10	Đào nhân sao vàng bỏ vỏ	Sao vàng bỏ vỏ	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT- 00352-23
11	Đỗ trọng	Thái phiến	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT- 00353-23
12	Độc hoạt	Thái phiến	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT- 00354-23
13	Đương quy	Thái phiến	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT- 00355-23
14	Hà thủ ô đỏ	Thái phiến	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT- 00356-23
15	Hoài sơn	Thái phiến	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT- 00357-23
16	Huyết giác	Thái phiến	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT- 00358-23
17	Kê huyết đăng	Thái phiến	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT- 00359-23

18	Khuong hoàng	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00360-23
19	Kim ngân hoa	Hoa	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00361-23
20	Liên nhục	Hạt	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00362-23
21	Tế tân	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00363-23
22	Thỏ phục linh	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00364-23
23	Thương truật	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00365-23
24	Tô mộc	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00366-23
25	Trạch tả	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00367-23
26	Tục đoạn	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00368-23
27	Uy linh tiên	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00369-23
28	Viễn chí	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00370-23

29	Xích thước	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00371-23
30	Xuyên khung	Thái phiên	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00372-23
31	Ý dĩ	Hạt	18 tháng	TCCS	Túi 500g; túi 1kg; túi 2kg; túi 3kg; túi 4kg; túi 5kg; túi 10kg; túi 15kg; túi 20kg; túi 25kg	VCT-00373-23

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh (Đ/c Số 21 Nguyễn Văn Cừ, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh)

2.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh (Đ/c Lô C1-1 khu công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
32	Ba kích	Thái phiên	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT-00374-23
33	Câu kỷ tử	Sấy	18 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT-00375-23
34	Cúc hoa vàng	Sấy	18 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT-00376-23
35	Độc hoạt	Sấy khô	18 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT-00377-23
36	Kê huyết đằng	Thái phiên	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT-00378-23
37	Liên nhục sao vàng	Sao vàng	18 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT-00379-23
38	Quế chi	Thái phiên	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT-00380-23
39	Sinh địa	Thái phiên	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT-00381-23

40	Cốt toái bồ	Sao vàng	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT- 00382-23
41	Hồng hoa	Sấy khô	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT- 00383-23
42	Khuong hoàng	Thái phiến	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT- 00384-23
43	Ngưu tất	Thái phiến	18 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT- 00385-23
44	Bạch linh	Thái phiến	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT- 00386-23
45	Tục đoạn	Thái phiến	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT- 00387-23
46	Sài hồ	Thái phiến	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT- 00388-23
47	Thương truật	Thái phiến	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT- 00389-23
48	Cẩu tích	Thái phiến	24 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg.	VCT- 00390-23

3. Công ty đăng ký: Công ty Cp dược trung ương Mediplantex (Đ/c Số 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội)

3.1. Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần dược trung ương Mediplantex (Đ/c Số 356 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
49	Xuyên khung chích rượu	Chích rượu	18 tháng	TCCS	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg; 10kg.	VCT- 00391-23

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long (Đ/c Số 339, đường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội)

4.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long (Đ/c CN-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
50	Liên nhục sao vàng	Sao vàng	24 tháng	TCCS	Túi 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg.	VCT-00392-23
51	Bạch truật sao cám mật ong	Sao cám mật ong	24 tháng	TCCS	Túi 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg.	VCT-00393-23

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm OPC (Đ/c: Số 1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh)

5.1. Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - nhà máy dược phẩm OPC (Đ/c: Số 09/ĐX-TH, tổ 7, ấp Tân Hóa, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
52	Đương Quy	Thái phiến	24 tháng	TCCS	Túi 100g; 200g; 500g; 1kg; 2kg; 5kg.	VCT-00394-23